

Medium

CHAMP 02 LOW

CHAMP02

Hiệ**mái và an toàn**

Giày an toàn CHAMP 02 LOW c ổ thấp mớ**Safety Jogger** **thay** giày đẹ v ờ h ời vừa vặn **hoàn** hảo , khả **năng** chư ố ợt **SR,** bảo v ệ **ESD,** đế giày có thiế**t kế tháo** vấn đề v ề t ư th ế .

Những vật liệu **cao** cấp hơn	**Lorica**
ót bên trong i **tái** chế lướ	
rong Đ ệm **chân SJ** làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)	
ngoài Đ	**Philon/cao su**
Loạ	**02 / SRC, FO, ESD**
Phạm **vi kích** thước	**EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0** **JPN 21.5-31 / KOR 230-310**
ng lượng t **thép**	**0.312 kg**
ẩn **hóa** chu	**ASTM F2892:2018** **EN ISO 20347:2012**

4.81 kg



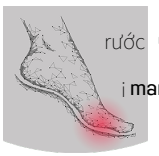
WHT



BLK



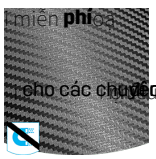
X
ESD cung cấp khả **năng** xả **năng** lượng **tĩnh** điện **có** kiểm **soát** có thể **làm** hỏng **các** bộ phận điện tử **và ngăn** chặ ắt lửa **do tích** điện. 00 KiloOhm **và** 100 MegaOhm.



Hấp thụ **năng** lượng **cho bàn chân** t
Sự hấp thụ **năng lượng** ở **gót chân** **hoặc** i **mang** ay **lên** cơ thể ng



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở **gót chân** **hoặc** i **mang.** ời **lên** cơ thể ng



miễn **phí** oạ
Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên **gia** ờ **giày** l



ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng **lót** giày thường xuyên **h** miếng **lót** giày chỉnh hình riêng **mái** thể thoả



giày cao su
ế ngoài cao su cung cấp các tính năng linh hoạt **giúp** chúng **phù** linh ứng dụng: khả **năng** chống cắt khả **năng** chịu nhiệt **và** độ lạnh, tính **linh** hoạt **cao** ở nhiệt độ lạnh, khả **năng** tuyệt vời **và** nhiều l

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sc ựpốẩm m &Đthuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
rư ờn ng ôn ẩm ẩm ặt cướt c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cáp hầ nhiệ Khôn trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn				
	Top: khả năng ấm ới h ơ	? 0.8	2.4	iờ mg/cm/g
	Top: hi ệu suất h ơ	? 15	21.3	mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế			
	L ớp lót: ấm ới h ơ	? 2	17.4	iờ mg/cm/g
	lót: hi ệu suất h ơ	? 20	140	mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
	ệ m chân: Đ ộ b ền g mài mòn (khô/ ướt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài	Đ **Philon/cao su**			
	Ch ỉ số trượt (mài mòn) ế ngoài (	? 150	142.8	mm
	a đế ngoài SRA: gót chân	? 0.28	0.32	ma sát
	a đế ngoài SRA: Phẳng t g	? 0.32	0.35	ma sát
	a đế ngoài SRB: gót chân	? 0.13	0.21	ma sát
	ế ngoài SRB: phẳng g	? 0.18	0.21	ma sát
	Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A	megaohm
	Giá t	0.1 - 100	37.9	megaohm
	Hấp thụ năng l ượng của gót chân	? 20	35	J

kích thước thép: 42

a chúng tôi Safety Jogger có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Safety Jogger và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO2 hát** thả			
	V ật l iệu	2.55	kg
	Bao bì	0.10	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		4.81 kg CO2/ cặp	

	Sự **miêu** t ả	ế t u	K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
	Product	12%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán